

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

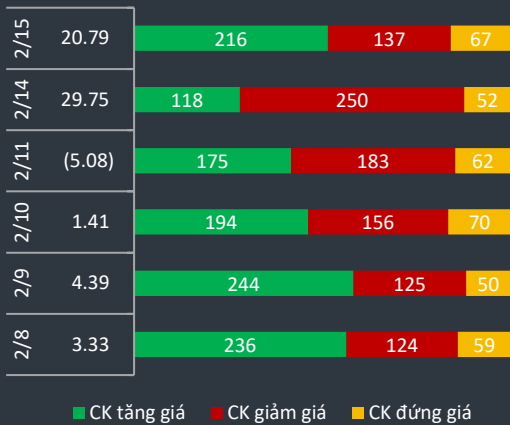
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

STB		140.51
MSN		126.41
VHM		112.44
GAS		101.40
KBC		79.93
DXG		78.86
GEX		63.25
TPB	(11.32)	□
DPM	(11.74)	□
FUESSVFL	(17.51)	□
VIC	(19.99)	□
HDB	(42.46)	□
VRE	(52.55)	□

Thị trường đã có mức phục hồi khá ấn tượng sau phiên co giật mạnh hồi đầu tuần. Chỉ số Vnindex đã lấy lại hơn 20 điểm sau màn quay đầu của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản. Mở đầu phiên buổi sáng đã có nhịp khởi động khá tích cực và kích hoạt dòng tiền mua nâng giá nhiều hơn. Sau khi bị dim giá hôm trước thì phiên hôm nay nhóm bank lớn như BID, VPB tăng khá tốt trên 3%. SHB, MBB, LPB, STB cũng tăng vượt trên 2%.

Blue chip VN30 chỉ có 3 mã giảm cuối phiên là HPG, VJC và PLX. MSN tăng mạnh gần 6% cùng với nhóm bán lẻ DGW, MWG. Vừa qua một ông lớn trong bán lẻ là FRT vừa ra kế hoạch kinh doanh ấn tượng với doanh thu 27.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 720 tỷ đồng, lần lượt tăng 20% và 30% so với năm thực hiện năm ngoái. Kết thúc năm 2021, chuỗi FPT Shop có 647 cửa hàng và mở thêm 52 cửa hàng so với đầu năm. Chuỗi Long Châu mở mới 200 nhà thuốc để nâng tổng số lượng lên 400 địa điểm kinh doanh, trở thành chuỗi nhà thuốc dẫn đầu thị trường bán lẻ với thị phần 45%. Tính riêng trong quý IV, gần 100 nhà thuốc mới đi vào hoạt động giúp Long Châu vượt mục tiêu mở 150 nhà thuốc mới đặt ra từ đầu năm. Sắp tới Long Châu sẽ phải dè chừng một tên tuổi mới là nhà thuốc An Khang sẽ được MWG đầu tư mở rộng cạnh tranh gay gắt trong thời gian tới.

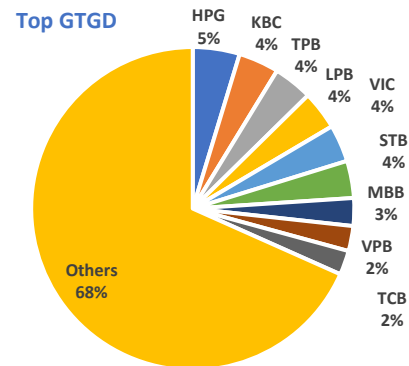
Các nhóm ngành phục hồi tốt nhất hôm nay có nhóm phân bón và dệt may. Cổ phiếu phân bón với hai cổ phiếu lớn DPM, DCM đều có mức tăng 2% và vẫn duy trì đà tăng tốt từ vùng giá 40 và 26.

Cổ phiếu dệt may nổi bật ở nhóm HTG, TTG, ADS, NDT. Nhiều cổ phiếu dệt may vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh khả quan và kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng mạnh năm nay như TNG, STK, GIL hay hồi phục mạnh sau giai đoạn khó khăn như TCM.

Khối ngoại trong ngày giao dịch rất sôi động và mua ròng gần 1000 tỷ đồng. Những mã mua ròng trải dài từ STB, MSN, VHM đến GAS, KBC, DXG.

# Vnindex 1,501.71

▼ -5.08 (-0.34%)



## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
TPB	42.9	1,650	4.00
SAB	159.6	2,600	1.66
STB	35.3	550	1.58
PNJ	104.8	1,500	1.45
GVR	34.0	350	1.04
MBB	34.0	200	0.59
ACB	35.7	150	0.42
HPG	47.2	150	0.32
VIB	47.7	100	0.21
TCB	53.7	100	0.19
REE	68.3	100	0.15
CTG	36.8	50	0.14
MSN	149.8	200	0.13
PDR	90.1	100	0.11
SSI	45.1	-	-
VJC	132.8	(200)	(0.15)
VPB	36.6	(100)	(0.27)
FPT	91.6	(400)	(0.43)
VHM	79.7	(400)	(0.50)
NVL	78.1	(400)	(0.51)
BVH	55.1	(300)	(0.54)
MWG	135.3	(1,000)	(0.73)
HVN	26.2	(200)	(0.76)
VNM	82.0	(700)	(0.85)
GAS	111.0	(1,000)	(0.89)
HDB	31.2	(300)	(0.95)
BID	47.9	(500)	(1.03)
POW	18.3	(250)	(1.35)
VCB	90.0	(1,300)	(1.42)
PLX	59.4	(1,100)	(1.82)
BCM	79.1	(1,700)	(2.10)
DHG	101.5	(2,200)	(2.12)
VIC	81.7	(2,300)	(2.74)
VRE	34.6	(1,400)	(3.89)

Cơn khủng hoảng Ucraina trong những ngày vừa qua đã có phần hạ nhiệt và bản thân thị trường trong nước cũng đã phản ứng rất nhanh chỉ sau một phiên. Không loại trừ phiên ngày mai thị trường sẽ tiếp tục thăng hoa và tiếp cận lại ngưỡng 1500. Tuy nhiên khi chỉ số Index vượt trên 1500 thì áp lực bán sẽ gia tăng mạnh hơn. Tình hình chính trị quốc tế chưa hoàn toàn ổn định trong ngắn hạn vì vậy nhà đầu tư vẫn nên giữ một vị thế thận trọng nhất định và hạn chế đẩy trạng thái tài khoản gia tăng margin quá cao. Các nhóm ngành ưu tiên nắm giữ hiện tại ưu tiên ngân hàng, chứng khoán, thép, phân bón, dệt may và một số cổ phiếu nhóm điện, dầu khí, bán lẻ như: **VCI, FTS, TNG, DPM, DCM, SZC, HPG, HSG, OCB, CTG, MBB, TCB.**

## Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
KBC	57.8	7.6	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	3.2%
HPG	47.2	11.7	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	4.9%
FTS	54.1	9.1	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	4.0%
TNG	30.9	10.4	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	6.6%
DPM	46.5	15.5	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	10.7%
VCI	61.1	9.1	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	5.3%
GVR	34.0	8.8	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	6.3%
REE	68.3	(1.0)	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	5.1%
NLG	53.2	6.4	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	0.4%
OCB	28.6	3.4	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	6.3%
TCB	53.7	1.7	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	7.4%
CTG	36.8	(0.3)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	5.1%
STK	51.6	(3.0)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	-2.6%
VIB	47.7	0.3	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	1.5%
MBB	34.0	0.7	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	17.2%
DBC	74.0	3.5	70	90	Bán	1/6/2022	0.0%
MWG	135.3	2.1	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	0.2%

## Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1047</b>	<b>2,883,939</b>	<b>3,455,002</b>	<b>19.8%</b>	<b>301,739</b>	<b>428,084</b>	<b>41.9%</b>

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Tăng trưởng ngành trong ngày

Bao bì	2.65
Dệt May	1.60
Phân bón	1.40
Nước	1.21
Bất động sản	1.11
Ngân hàng	1.05
Bán lẻ	0.89
Bất động sản KCN	0.83
Ô tô và phụ tùng	0.82
Khoáng sản	0.69
Du lịch và Giải trí	0.59
Tài nguyên Cơ bản	0.57
Dịch vụ tài chính	0.54
Thủy sản	0.54
Viễn thông	0.47
Vật liệu xây dựng	0.40
Y tế	0.34
Thực phẩm và đồ...	0.33
Cao su	0.33
Xây dựng	0.31
Hàng cá nhân & Gia...	0.12
Bảo hiểm	0.07
Công nghệ Thông tin(0.02)	
Sản xuất và KD Thế(0.20)	
Vận tải - Logistic(0.21)	
Hóa chất(1.36)	
Dầu (0.39)	
Điện(1.45)	
Hàng & Dịch(0.59)	
Truyền thông(0.06)	

**VCB** - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank - Thông báo, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 sẽ được tổ chức vào ngày 08/4/2022 tại Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực VCB, khu đô thị Ecopark, Hưng Yên.

**FRT** - CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT – Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2022 với doanh thu 27.000 tỷ đồng, tăng 20% so với thực hiện năm 2021, lợi nhuận trước thuế 720 tỷ đồng, tăng 30%.

**GEG** - CTCP Điện Gia Lai – HĐQT thông qua nghị quyết phê duyệt phương án đầu tư dự án Nhà máy Điện gió Tân Phú Đông 1, với quy mô công suất 100 MW.

**VTO** - CTCP Vận tải xăng dầu VITACO - Đã bán xong 1 triệu cổ phiếu quỹ đăng ký bán từ ngày 13/1 đến 07/2 theo phương thức khớp lệnh, với giá bán bình quân 11.934 đồng/cổ phiếu.

**VIG** - CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 34,1 triệu cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho một số nhà đầu tư, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong quý I, quý II/2022.

**PGT** - CTCP PGT Holdings - Thông báo, đã hoàn tất việc bán hơn 230.000 cổ phiếu quỹ từ ngày 14/1 đến 11/2 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

**APH** - CTCP Tập đoàn An Phát Holdings - Đã thông qua kế hoạch chuyển quyền sở hữu cổ phiếu CTCP Nhựa An Phát Xanh (mã chứng khoán AAA) thuộc sở hữu của APH sang cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu để thanh toán một phần gốc trái phiếu.

Công ty dự kiến sẽ thực hiện chuyển đổi sở hữu cổ phiếu AAA tương ứng với giá trị 81 tỷ đồng cho các trái chủ, thời gian dự kiến trong tháng 3/2022.

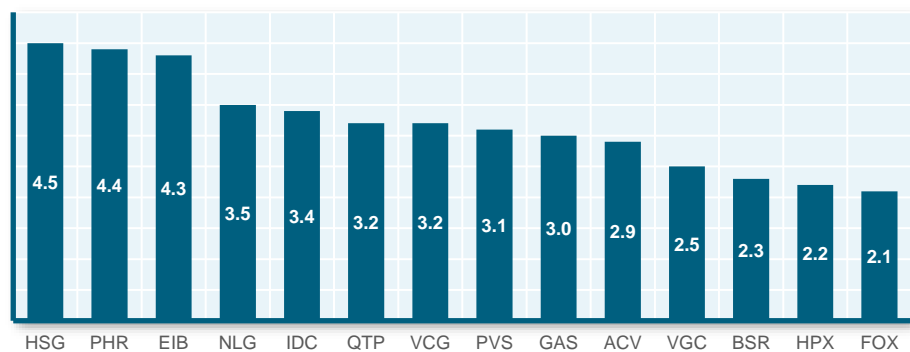
**DRH** - CTCP DRH Holdings - Năm 2022 đặt kế hoạch lợi nhuận 212 tỷ đồng, gấp hơn 13,5 lần con số thực hiện năm 2021 - cũng là con số cao kỷ lục từ khi thành lập công ty đến nay.

**NLG** - CTCP Đầu tư Nam Long - Ông Nguyễn Xuân Quang, Chủ tịch HĐQT đã bán ra 2 triệu cổ phiếu NLG từ ngày 13/1 đến 11/2 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Sau giao dịch, ông Quang đã giảm sở hữu tại NLG xuống còn hơn 44,45 triệu cổ phiếu NLG, tỷ lệ 11,61%.

**VFG** - CTCP Khử trùng Việt Nam - CTCP PAN Farm, công ty mẹ chỉ mua được hơn 280.000 cổ phiếu VFG trong tổng số 1,4 triệu cổ phiếu VFG đăng ký mua từ ngày 14/1 đến 11/2 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Sau giao dịch, PAN Farm đã nâng sở hữu tại VFG lên hơn 16,44 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 51,25%.

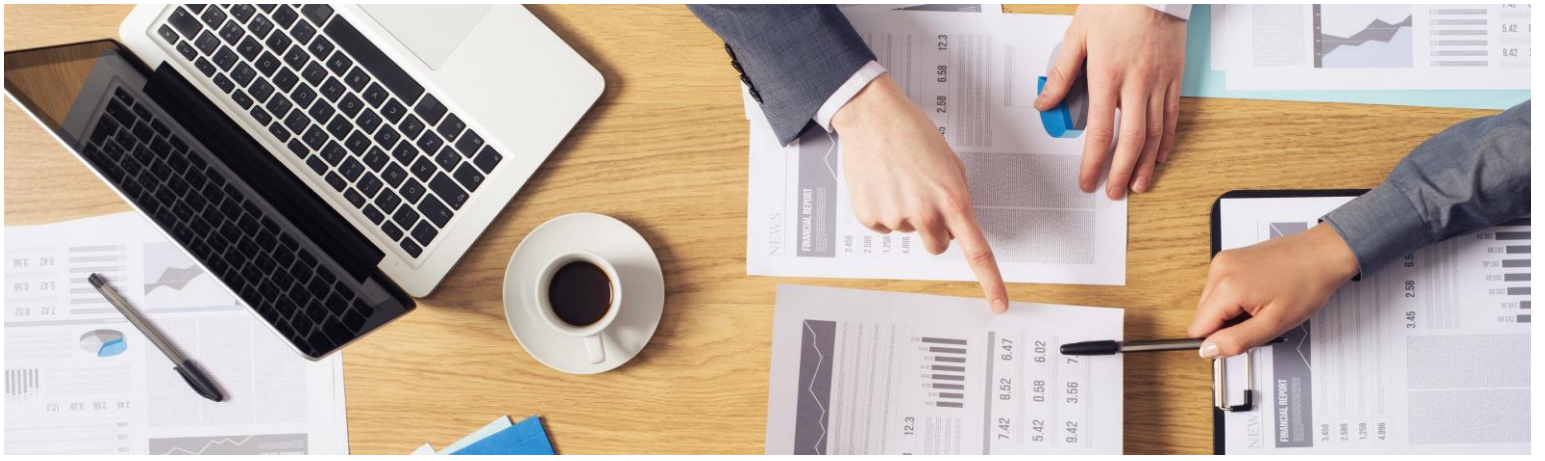


## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	36.0	12,555,400	13.7	1.9	-	25,000	159,815	17.01	2,621	19,187
VIB	HOSE	46.2	2,588,200	11.2	3.0	27,200	2,000	71,755	20.48	4,127	15,640
VCB	HOSE	87.0	2,453,500	14.7	2.9	1,267,200	1,114,100	411,729	23.64	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.8	28,643	16.8	1.5	-	-	8,503	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	15.6	623,304	10.6	1.1	-	-	8,423	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	40.8	3,153,900	13.4	2.5	76,500	353,900	64,457	29.67	3,054	16,430
TCB	HOSE	51.8	8,584,300	10.1	2.0	753,500	753,500	181,865	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	33.5	31,169,300	18.5	1.8	5,588,500	1,387,500	63,155	18.53	1,810	18,174
SSB	HOSE	37.2	1,684,900	21.1	2.9	18,200	-	55,000	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	22.6	12,320,200	12.1	1.7	646,300	17,900	60,138	3.31	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.1	159,958	-	1.5	-	-	5,575	0.02	398	12,042
PGB	UPCOM	33.0	105,571	37.6	2.4	-	-	9,900	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	27.3	2,677,600	8.5	1.7	22,200	10,500	37,329	21.99	3,216	15,917
NVB	HNX	30.6	53,100	-	2.9	-	-	12,448	8.34	3	10,397
NAB	UPCOM	20.2	243,100	-	-	-	-	10,371	0.03	-	-
MSB	HOSE	26.7	5,663,400	10.1	1.9	-	-	40,784	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	32.7	20,740,800	9.7	2.0	62,700	307,800	123,551	23.23	3,361	16,538
LPB	HOSE	24.6	14,274,400	10.3	1.8	526,200	5,500	30,469	4.95	2,387	13,960
KLB	UPCOM	27.0	27,915	12.8	2.1	-	-	9,760	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	29.5	5,535,200	9.8	1.9	290,500	1,745,000	59,360	17.23	3,016	15,339
EIB	HOSE	37.3	1,088,100	47.7	2.6	10,700	1,300	45,796	29.70	781	14,395
CTG	HOSE	35.0	13,310,400	11.9	1.8	1,815,700	538,300	167,961	26.00	2,932	19,488
BVB	UPCOM	20.5	1,213,868	30.2	1.6	23,000	-	7,525	0.10	678	12,638
BID	HOSE	46.2	3,694,100	22.1	2.7	1,060,300	21,600	233,704	16.83	2,090	17,073
BAB	HNX	22.8	37,149	23.6	1.9	-	-	17,171	-	964	12,018
ACB	HOSE	34.5	6,631,900	9.7	2.1	4,000,000	4,000,000	93,217	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	17.4	2,810,120	7.8	1.0	5,000	-	12,128	19.19	2,238	16,828
			<b>153,428,328</b>	<b>16.42</b>	<b>2.04</b>	<b>16,193,700</b>	<b>10,283,900</b>	<b>2,001,891</b>		<b>2,310</b>	<b>15,873</b>



### Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	ABB	UPCoM	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
7	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	APH	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
9	NTH	HNX	9/2/2022	10/2/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	MRF	UPCoM	9/2/2022	10/2/2022	22/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ITD	HOSE	8/2/2022	9/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	DPM	HOSE	27/01/2022	28/01/2022	16/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	TNH	HOSE	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	TRS	UPCoM	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	DNH	UPCoM	25/01/2022	26/01/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	HGC	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022	11/2/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HCD	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	IDJ	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
23	VCP	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000000:1136365	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	KST	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
25	BLT	UPCoM	20/01/2022	21/01/2022	15/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 970 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	NHA	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
27	SHP	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	HAP	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm



## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931